

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 4 năm 2023
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hòa Thanh

- Các Hội thẩm nhân dân:

. Ông Hồ Quang Thành

. Ông Phạm Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tiến Huỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 224/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như Q - sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn TPB, xã VP, huyện VN, tỉnh KH. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Võ Quốc Q1 - sinh năm: 1987; trú tại: Thôn TPB, xã VP, huyện VN, tỉnh KH. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 06 tháng 6 năm 2022, Biên bản lấy lời khai ngày 14/11/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như Q và anh Võ Quốc Q1 tự nguyện kết hôn vào năm 2011 và đến năm 2012 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn KH, huyện NH, tỉnh NT theo Giấy chứng nhận kết hôn số 93 cấp ngày 28/8/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc

phạm nhau. Hiện nay vợ chồng đã mạnh ai nấy sống không ai quan tâm gì đến ai. Chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa. Chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Quốc Q1.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Võ Ngọc Huyền T- sinh ngày 16/9/2011 và Võ Ngọc Huyền L - sinh ngày 20/01/2017 hiện đang do chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Q yêu cầu khi vợ chồng ly hôn thì được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung chưa thành niên cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Q1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Võ Quốc Q1 đến Tòa để trình bày ý kiến về việc chị Q khởi kiện, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh Q1 đều không có mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của anh Q1, không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Q yêu cầu ly hôn với anh Q1 - hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn TPB, xã VP, huyện VN, tỉnh KH nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Bị đơn anh Q1 đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù bị đơn anh Q1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng căn cứ vào lời khai của chị Q và các chứng cứ đã thu thập được thì việc kết hôn giữa chị Q và anh Q1 là tự nguyện, đăng ký kết hôn số 93 ngày 28 tháng 8 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn KH, huyện NH, tỉnh NT, nên quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh Q1 là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị Q, biên bản xác minh thì vợ chồng chị Q, anh Q1 hiện nay không còn sống chung với nhau nữa, vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Q1 đến Tòa để giải quyết ly hôn giữa hai người nhưng anh Q1 đều không có mặt, chứng tỏ anh Q1 không còn quan tâm gì về quan hệ hôn nhân này nữa. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị Q và anh Q1 theo chị Q trình bày là do tính tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Hiện nay vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nên có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh Q1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị Q.

[3] Về con chung: Chị Q, anh Q1 có 02 (hai) con chung là Võ Ngọc Huyền T - sinh ngày 16/9/2011 và Võ Ngọc Huyền L - sinh ngày 20/01/2017. Chị Q yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Q1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Các con chung hiện đang do chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu T có yêu cầu được sống chung với mẹ, cháu L hiện đang còn nhỏ vì vậy việc giao cho chị Q được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị Q. Chị Q không yêu cầu anh Q1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Q xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bị đơn anh Q1 mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn và cũng không hòa giải được vụ án. Vì vậy, không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của anh Q1.

[7] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị Như Q được ly hôn với anh Võ Quốc Q1.

2. Về con chung: Giao cho chị Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung là Võ Ngọc Huyền T - sinh ngày 16/9/2011 và Võ Ngọc Huyền L - sinh ngày 20/01/2017 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi và chị Q không yêu cầu anh Q1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị Q, anh Q1 có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Như Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Như Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003586 ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN; chị Q đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện VN ;
- Chi cục THA huyện VN;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân thị trấn KH;
- Các đương sự;
- Lưu AV; HS..

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Võ Thị Hòa Thanh

